

DANH SÁCH ĐIỂM MÔN GDQP-AN
Học Kỳ 2 - Năm Học 22-23

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh - 12 tuần 28**
CBGD **Nguyễn Thành Quân**

Mã MH	STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP1	BP2	BP3	BP4	BP5	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	GHI CHÚ
							LT1	LT2	ĐL	BS	RL				
234012	1	2122100389	Nguyễn Hải Thùy	An	06/05/2004	CCQ2210K	7.3	7.0	7.3	8.0	7.0	7.4	7.4	7.4	
234012	2	2122260152	Đặng Hoàng Phương	Anh	12/02/2004	CCQ2226E	7.0	7.5	7.5	8.3	7.0	7.5	7.8	7.7	
234012	3	2122260107	Vũ Nguyễn Phương	Anh	12/11/2002	CCQ2226E								0.0	
234012	4	2122270159	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	26/08/2003	CCQ2227E	6.3	6.8	7.0	6.3	7.0	6.7	7.0	6.9	
234012	5	2120240188	Trần Châu	Âu	04/11/2002	CCQ2024G	6.8	8.0	7.3	8.0	7.0	7.4	8.4	8.0	
234012	6	2122260005	Nguyễn Mỹ	Chi	16/03/2004	CCQ2210K	4.8	7.5	7.3	8.0	7.0	7.1	8.0	7.6	
234012	7	2122100398	Nguyễn Thị Thúy	Chi	22/07/2004	CCQ2210K	6.0	8.8	7.3	9.3	7.0	7.8	7.0	7.3	
234012	8	2122260129	Lê Thị Bích	Duyên	08/11/2004	CCQ2226E								0.0	
234012	9	2122270148	Võ Thành	Đại	24/05/2004	CCQ2227E	6.0	7.0	7.0	8.3	7.0	7.2	8.0	7.7	
234012	10	2122170602	Nguyễn Văn Hùng	Em	01/09/2004	CCQ2227E	7.3	7.3	7.0	9.0	7.5	7.8	6.4	7.0	
234012	11	2122260042	Châu Huỳnh	Giang	02/02/2004	CCQ2226E	5.5	7.5	7.5	8.7	8.5	7.8	6.4	7.0	
234012	12	2122120366	Trần Thị	Hằng	27/10/2004	CCQ2220A	7.0	7.0	7.5	9.0	9.0	8.2	5.8	6.8	
234012	13	2122260153	Hồ Thị Gia	Hân	08/02/2004	CCQ2226E	7.0	8.8	7.5	8.7	8.5	8.2	8.4	8.3	
234012	14	2122270152	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hân	21/10/2004	CCQ2227E	6.5	7.5	7.3	9.0	7.0	7.6	8.2	8.0	
234012	15	2122270154	Nguyễn Minh	Kha	19/11/2003	CCQ2227E								0.0	
234012	16	2122270151	Trịnh Minh	Khang	19/09/2004	CCQ2227E	5.8	6.0	7.0	7.0	7.0	6.7	6.2	6.4	
234012	17	2122270164	Nguyễn Thành	Long	24/09/2004	CCQ2227E								0.0	
234012	18	2122100394	Nguyễn Hoàng Ngọc	Mai	10/03/2004	CCQ2210K	5.8	5.3	7.3	6.5	7.0	6.5	7.6	7.1	
234012	19	2122110165	Bùi Nhật	Nam	18/01/2004	CCQ2226E	5.8	7.0	8.5	10.0	9.5	8.6	6.4	7.3	
234012	20	2122240071	Đặng Thị Kim	Ngân	03/07/2004	CCQ2226E	5.5	6.8	7.0	7.7	7.0	6.9	7.6	7.3	
234012	21	2122100404	Trần Thị Trúc	Ngân	18/03/2004	CCQ2210K	7.3	7.0	8.5	9.7	9.5	8.7	7.8	8.2	
234012	22	2122260151	Đỗ Nguyễn Xuân	Nghi	20/12/2004	CCQ2226E	6.5	7.8	7.5	8.7	7.0	7.6	8.0	7.8	
234012	23	2122100403	Hoàng Thị	Ngọc	01/10/2004	CCQ2210K	8.8	8.8	7.5	7.7	8.5	8.2	7.8	8.0	
234012	24	2122100411	Trần Thị Thu	Nguyệt	24/03/2004	CCQ2210K	7.3	7.5	6.8	5.0	7.0	6.5	7.8	7.3	
234012	25	2122100391	Trần Thanh	Nhân	29/10/2004	CCQ2210K	6.5	7.8	7.3	6.3	7.0	6.9	7.4	7.2	
234012	26	2122270157	Nguyễn Thị Yến	Nhi	02/04/2004	CCQ2227E	8.0	6.8	7.5	7.7	7.0	7.4	7.4	7.4	

						LT1	LT2	ĐL	BS	RL				
234012	27	2122100408	Phan Thị Nữ	Nhi	02/12/2002	CCQ2210K	6.8	7.3	7.3	8.7	7.0	7.5	8.2	7.9
234012	28	2122100401	Phan Thị Yên	Nhi	25/01/2004	CCQ2210K	5.3	5.5	7.5	7.7	7.0	6.8	6.4	6.6
234012	29	2122100378	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	27/05/2004	CCQ2210K	7.3	8.5	7.5	8.3	7.0	7.7	7.4	7.5
234012	30	2122100400	Bùi Thị Thanh	Như	02/10/2004	CCQ2210K	5.8	7.3	7.5	4.7	7.0	6.3	6.0	6.1
234012	31	2122100397	Trần Thị	Nơ	04/06/2004	CCQ2210K								0.0
234012	32	2122260154	Đoàn Ngọc	Phát	10/10/2001	CCQ2226E								0.0
234012	33	2122100363	Đinh Hoàng	Phúc	26/11/2004	CCQ2226E	5.8	5.8	7.0	6.7	7.0	6.5	6.0	6.2
234012	34	2122100395	Thị	Phương	05/02/2004	CCQ2210K	9.0	6.0	7.3	8.3	7.0	7.6	7.8	7.7
234012	35	2122270153	Châu Thị Mỹ	Quyền	14/06/2004	CCQ2227E	7.5	7.5	7.5	6.7	9.0	7.7	8.6	8.2
234012	36	2122100133	Phạm Võ Trúc	Quỳnh	05/12/2004	CCQ2227E	5.5	7.5	7.0	5.7	7.0	6.5	6.8	6.7
234012	37	2120240197	Trần Thị Như	Quỳnh	18/05/2002	CCQ2024G	8.0	7.5	8.5	8.7	9.5	8.6	9.0	8.8
234012	38	2122260155	Nguyễn Ngọc Thanh	Tâm	16/06/2003	CCQ2226E	7.8	8.3	7.5	8.7	7.0	7.8	8.0	7.9
234012	39	2122270163	Từ Thị Duy	Tâm	25/10/2004	CCQ2227E	5.5	7.5	7.0	9.3	8.5	8.0	7.4	7.6
234012	40	2122100380	Nguyễn Võ Thành	Thái	21/12/2004	CCQ2210K	8.3	7.0	8.5	10.0	10.0	9.1	8.6	8.8
234012	41	2122100402	Đặng Thị Thu	Thảo	03/10/2004	CCQ2210K	6.3	8.3	7.3	8.3	7.0	7.5	7.6	7.6
234012	42	2122100393	Hà Thị Thanh	Thảo	06/11/2004	CCQ2210K	6.8	8.8	7.3	7.7	7.0	7.4	7.0	7.2
234012	43	2122100379	Lê Thị	Thảo	13/07/2004	CCQ2210K	7.8	9.0	8.5	9.3	9.5	9.0	8.0	8.4
234012	44	2122260141	Nguyễn Hoài Mộng	Thắm	22/05/2003	CCQ2227E	4.0	7.0	6.5	8.0	7.0	6.8	7.2	7.0
234012	45	2122270149	Đặng Phú	Thịnh	01/10/2004	CCQ2227E								0.0
234012	46	2122100412	Bùi Thị Minh	Thông	01/01/2003	CCQ2210K								0.0
234012	47	2122100390	Tổng Phương	Thùy	18/07/2004	CCQ2210K	6.8	7.0	6.8	8.0	7.0	7.2	7.8	7.6
234012	48	2122100132	Nguyễn Mai	Thy	11/09/2004	CCQ2227E	5.8	7.0	6.8	9.3	7.0	7.5	7.4	7.4
234012	49	2122100392	Tô Ngọc Anh	Thy	10/10/2003	CCQ2210K	5.5	8.0	6.8	7.0	7.0	6.9	5.2	5.9
234012	50	2122100410	Nguyễn Thị Thu	Tiền	26/11/2003	CCQ2210K	9.0	9.3	7.3	9.3	8.0	8.6	8.8	8.7
234012	51	2122170596	Nguyễn Quốc	Tín	01/11/2004	CCQ2227E	5.3	7.0	7.5	9.0	7.0	7.4	6.2	6.7
234012	52	2122100399	Đặng Thị Hương	Trà	23/04/2004	CCQ2210K	8.8	8.5	8.0	9.7	9.0	8.9	7.2	7.9
234012	53	2122270162	Đinh Thị Thu	Trang	04/06/2002	CCQ2227E								0.0
234012	54	2122260257	Hồ Thị Thu	Trang	06/03/2004	CCQ2226E	4.5	7.0	7.0	5.0	8.0	6.4	6.6	6.5
234012	55	2122270150	Hồ Lương Huyền	Trân	22/08/2004	CCQ2227E	7.3	8.3	7.5	8.0	7.0	7.6	7.6	7.6
234012	56	2122270156	Lê Ngọc Quế	Trân	06/07/2004	CCQ2227E	7.3	7.8	6.8	8.0	7.0	7.4	8.4	8.0
234012	57	2122120529	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	30/09/2004	CCQ2227E	7.5	7.3	7.3	8.3	7.0	7.5	8.2	7.9
234012	58	2122270161	Bùi Thị Thùy	Vân	12/07/2002	CCQ2227E	7.0	7.5	6.5	8.7	6.5	7.3	7.2	7.3
234012	59	2122260258	Huỳnh Quốc	Việt	02/01/2003	CCQ2226E								0.0
234012	60	2122220033	Vô Ngọc Như	Ý	19/09/2004	CCQ2227E								0.0
234012	61	2122100409	Bùi Thị Xuân	Yên	30/6/2002	CCQ2210K								0.0

tieu doi

	4
	3
v	
	2
	5
	4
	4
v	
	1
	1
	2
	3
	3
	5
v	
	1
v	
	5
	1
	2
	3
	3
	4
	4
	4
	3

v
v
4
3
3
3

1
5
5
2
5
3
2
1
5
5
4
2

v
v
4
5
4
4
1
3

v
2
3
5
5
2

v
v
v